

Số: 02/2023/QĐST-DS

Hạ Lang, ngày 08 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “Chia tài sản chung, chia di sản thừa kế”;

Căn cứ vào văn bản thoả thuận về việc phân chia tài sản ngày 10/01/2023 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mã Văn Lồng;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mã Thị K, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xóm C, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Chị Mã Thị M, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm C, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

Người được ủy quyền: Chị Mã Thị S, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Xóm C, xã Q, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+Anh Mã Văn L, sinh năm 1986;

Hiện đang chấp hành án tại Đội 29, phân trại số 3, trại giam Quyết Tiến, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

+ Chị Mã Thị M1, sinh năm 1989;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:*

Ông Nông Văn Sự - Trợ giúp pháp lý

Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Mã Thị K và chị Mã Thị M cùng thống nhất thoả thuận, phân chia tài sản như sau:

- Đối với 08 thửa đất có tổng diện tích 2.208,7 m² (hai nghìn hai trăm linh tám phẩy bảy mét vuông), đã chuyển nhượng cho người khác nhưng chưa sang tên hoặc là đất thuộc quyền sử dụng của ông Mã Văn H (anh trai ông Toại) và ông Mã Văn T (em trai ông T1) đã phân chia nhưng chưa được kê khai hoặc cấp nhầm vào bì đỏ của gia đình. Bà K và chị M cùng đồng ý chia cho bà Mã Thị K được quyền đăng ký, chuyển nhượng, tặng cho hoặc cho ông H, ông T được quyền sử dụng đối với 08 thửa đất dưới đây:

Số thứ tự	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)
1	01	53	285,1	Nà Đin	LUA	Lâu dài	CN-KTT
2	197	53	540,5	Nà Héo	LUA	Lâu dài	CN-KTT
3	43	52	587	Chang Thông	LUA	Lâu dài	CN-KTT
4	30	52	162,7	Chang Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
5	140	41	312	Luộc Giáo	LUA	12/2026	CN-KTT
6	139	41	57,7	Luộc Giáo	HNK	12/2026	CN-KTT
7	8	42	185,7	Luộc Rân	HNK	12/2026	CN-KTT
8	31	52	78	Chang Thông	CLN	12/2056	CN-KTT

- Đối với quyền sử dụng đất còn lại là tài sản chung của hộ gia đình và di sản thừa kế mà thực tế các đồng thừa kế còn đang quản lý, sử dụng gồm: 19 thửa tổng diện tích là 2.981,1m² (hai nghìn chín trăm tám mươi một phẩy một mét vuông), bà K và chị M cùng thống nhất về giá trị là 138.798.900 đồng, được chia làm 04 kỷ phần trong đó:

+ Chị Mã Thị M được chia: 718,4 m² trong đó 267 m² đất trồng lúa; 451,4

m² đất trồng cây hàng năm khác; giá trị thành tiền là 33.173.200 đồng, gồm các thửa sau:

Số thứ tự	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
1	55	52	24,6	Chang Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
2	56	52	39,7	Chang Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
3	62	54	77,1	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
4	61	54	17,9	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
5	63	54	51,3	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
6	49	54	56,4	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
7	68	54	25,3	Luộc Thông	HNK	12/2026	CN-KTT
8	76	54	212	Luộc Thông	HNK	12/2026	CN-KTT
9	75	54	124,8	Luộc Thông	HNK	12/2026	CN-KTT
10	65	54	89,3	Luộc Thông	HNK	12/2026	CN-KTT

+ Anh Mã Văn L và chị Mã Thị M1 được chia: 1435,2 m² trong đó có 533,3m² đất trồng lúa; 901,9 m² đất trồng cây hàng năm khác; giá trị thành tiền là 66.270.200 đồng, gồm các thửa sau:

Số thứ tự	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
1	50	64	502,2	Nà Cán	LUA	12/2026	CN-KTT
2	64	54	31,1	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
3	23	29	901,9	Luộc Than	HNK	Lâu dài	CN-KTT

+ Bà Mã Thị K được chia: 827,5 m² trong đó 268 m² đất trồng lúa; 425,2 m² đất trồng cây hàng năm và 134,3 m² đất trồng cây lâu năm; giá trị thành tiền là 39.355.500 đồng, gồm các thửa sau:

Số thứ tự	Thửa đất số	Tờ bản đồ số	Diện tích (m ²)	Địa chỉ thửa đất	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Nguồn gốc sử dụng
1	69	54	43,2	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
2	70	54	64,6	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
3	74	54	107,5	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
4	50	54	52,7	Luộc Thông	LUA	12/2026	CN-KTT
5	2	42	425,2	Luộc Râm	HNK	12/2026	CN-KTT

6	44	52	134,3	Chang Thông	CLN	12/2056	CN-KTT
---	----	----	-------	-------------	-----	---------	--------

- Các thửa đất đã được thỏa thuận phân chia trong quyết định số 25/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng, nay chúng tôi cùng thỏa thuận lại sẽ đưa vào khối tài sản chung để phân chia lại theo nội dung đã được thỏa thuận nêu trên.

- Kể từ ngày được Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì các đương có quyền đăng ký sang tên quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AH 695380; AH 695381; AH 664409 cụ thể :

+ Bà Mã Thị K được quyền đăng ký sang tên quyền sử dụng 14 thửa gồm : 69;70;74;50;2;44; 01;197;43;30; 31;139;140; 8 thuộc tờ bản đồ:41; 42;52; 53;54.

+ Chị Mã Thị M được quyền đăng ký sang tên quyền sử dụng 10 thửa gồm : 49;55;56;61;62;63;65;68;75;76 thuộc tờ bản đồ:52;54.

+ Anh Mã Văn L và chị Mã Thị M1 được quyền đăng ký sang tên đồng sử dụng quyền sử dụng 3 thửa gồm: 50;64;23 thuộc tờ bản đồ:29;54;64.

Các đương sự hoàn toàn tự nguyện và việc phân chia này đảm bảo quyền lợi của các đương sự, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

3. Về án phí: Các đương sự trong vụ án gồm: Bà Mã Thị K, chị Mã Thị M, anh Mã Văn L và chị Mã Thị M1 được miễn toàn bộ án phí do có đơn xin miễn, giảm án phí và đều thuộc đối tượng được miễn giảm án phí theo điểm d khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án của ủy ban thường vụ quốc hội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lục Văn Doanh